# BÁO CÁO NGÀY

## VNINDEX DO DỰ, DÒNG TIỀN PHÂN HÓA

Ngày 05.05.2026

# NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG HÔM QUA

- Thị trường duy trì trạng thái giằng co với chỉ số gần như đi ngang, phản ánh sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm cổ phiếu. Dù VN-Index không giữ được mức tăng trong phiên và đóng cửa giảm nhẹ, diễn biến nội tại lại tích cực hơn so với chỉ số thể hiện. Độ rộng thị trường khá cân bằng, số mã tăng nhỉnh hơn số mã giảm, trong đó nhiều cổ phiếu ghi nhận mức tăng trên 1% kèm thanh khoản tốt, cho thấy dòng tiền vẫn hoạt động năng động và chưa rút khỏi thị trường.
- Áp lực chính đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là một số trụ bất động sản và công nghệ khiến chỉ số bị kìm hãm. Trong khi đó, nhóm ngân hàng đóng vai trò nâng đỡ nhưng chưa đủ mạnh để tạo xu hướng rõ ràng. Diễn biến này cho thấy sự luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành vẫn đang diễn ra, nhưng thiếu sự đồng thuận để tạo bứt phá.
- Điểm đáng chú ý là nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ tiếp tục thu hút dòng tiền, với thanh khoản cải thiện rõ rệt và nhiều mã tăng tốt. Điều này phản ánh khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư vẫn ở mức cao, ưu tiên tìm kiếm cơ hội ngắn hạn thay vì tập trung vào nhóm dẫn dắt truyền thống.

## Biến động ngành

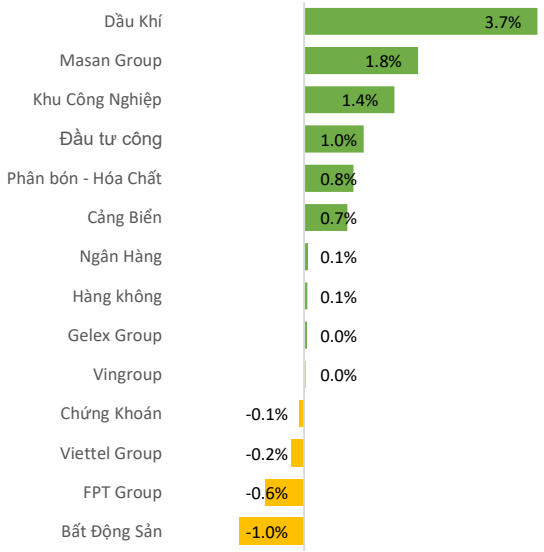


## Khối ngoại mua/bán ròng trên HOSE

*Đơn vị: Tỷ VND*

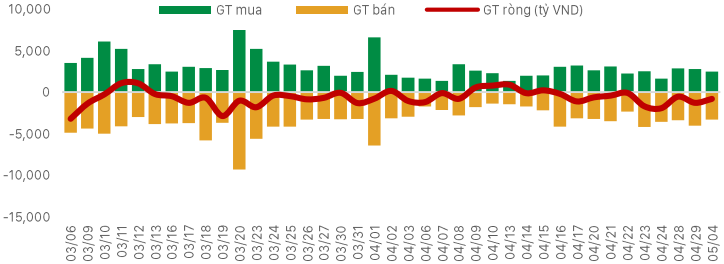


## Khối ngoại - Top CP mua bán ròng trong ngày

*Đơn vị: Tỷ VND*

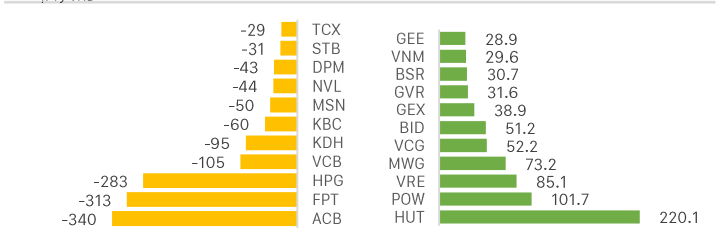


## CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

| Thị trường | Điểm số | %Δ | YTD |
|---|---|---|---|
| Vnindex | 1,854.0 | -1.16% | 3.9% |
| Hnxindex | 250.7 | 0.49% | 0.8% |
| Hang Seng | 26,096.0 | 1.24% | 1.8% |
| Shanghai | 4,112.0 | 0.11% | 3.6% |
| JP225 | 59,513.0 | 0.38% | 18.2% |

## THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|---|---|---|---|
| Vàng | 4,581.0 | -0.68% | 6.04% |
| Dầu WTI | 102.9 | 0.97% | 79.08% |
| Dầu Brent | 109.3 | 1.09% | 79.42% |
| Cao su | 216.3 | 0.42% | 20.23% |
| Ure | 585.0 | -14.23% | 51.36% |
| Quặng sắt | 796.0 | 1.08% | 0.82% |
| Thép | 3,195.0 | 1.59% | 3.20% |

## THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|---|---|---|---|
| DXY | 98.2 | 0.08% | -0.09% |
| USD/VND | 26,338.5 | -0.07% | 0.15% |
| USD/JPY | 156.9 | -0.05% | 0.12% |
| USD/CNY | 6.8 | -0.14% | -2.23% |
| EUR/USD | 1.2 | 0.01% | -0.16% |

# CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG HÔM NAY

- Khối ngoại tiếp tục bán ròng với quy mô tương đối lớn, tạo thêm áp lực tâm lý lên thị trường. Tuy nhiên, lực cầu nội vẫn hấp thụ tốt, giúp thị trường duy trì trạng thái ổn định. Tổng thể, xu hướng hiện tại là tích lũy trong biên độ hẹp, với cơ hội vẫn hiện hữu nhưng mang tính chọn lọc cao.
- Xét trên đồ thị ngày, VN-Index vẫn đang duy trì xu hướng tăng trung hạn khi chỉ số nằm trên các đường trung bình quan trọng như MA20 và MA50. Tuy nhiên, sau nhịp hồi phục mạnh từ vùng đáy tháng 3, chỉ số đã tiến vào vùng kháng cự tương đối mạnh quanh khu vực 1.860–1.880 điểm và bắt đầu xuất hiện tín hiệu chững lại. Đáng lưu ý, khoảng cách giữa giá và đường MA20 đang bị thu hẹp, cho thấy trạng thái phân phối ngắn hạn. Điều này thường dẫn đến áp lực điều chỉnh hoặc rung lắc để hấp thụ lực cung chốt lời. Dải Bollinger Bands cũng có xu hướng co lại, cho thấy biến động có thể gia tăng trong các phiên tới.
- Nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục dao động rung lắc trong biên độ hẹp, với áp lực điều chỉnh xuất hiện trong phiên nhưng có thể được hấp thụ về cuối phiên. Nhà đầu tư có thể chờ về cuối phiên để tích lũy cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu quan tâm: VIC, VRE, VHM, MWG, HAG, TCB, MBB, GVR, BSR, OIL, BID

## Độ rộng thị trường

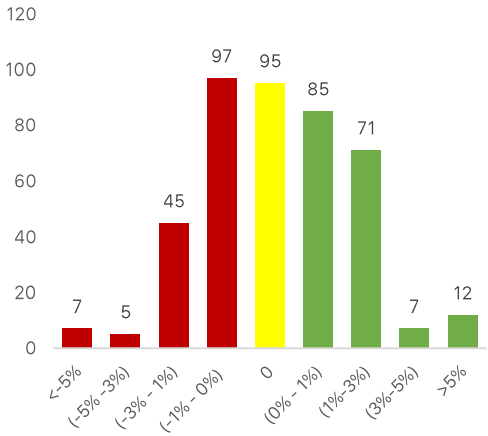


## Biểu đồ PE lịch sử

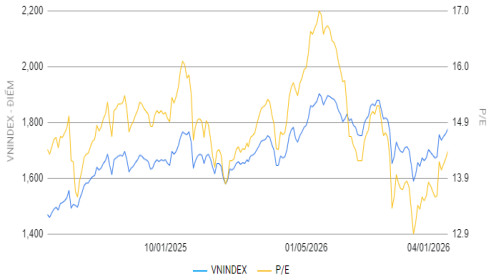

# CỔ PHIẾU QUAN TÂM

## Cổ phiếu quan tâm

| CP | Giá | % | Hỗ trợ | Note |
|---|---|---|---|---|
| BID | 40.85 | 1.9 | 38 | Giá đang tích lũy. Mục tiêu trên 45 |
| MBB | 26.10 | 0.2 | 22 | Giá đang đi ngang. Mục tiêu gần 29 |
| TCB | 33.55 | -0.9 | 30 | Giá đang xu hướng tăng. Mục tiêu gần 40 |
| VHM | 142.00 | -2.7 | 130 | Giá đang rung lắc. Kháng cự gần 170 |
| VIC | 212.00 | -0.9 | 180 | Giá đang rung lắc. Kháng cự tiếp theo quanh 250 |
| VPB | 26.95 | 1.7 | 24 | Giá đang tích lũy. Hỗ trợ quanh 24 |
| VPL | 85.20 | -0.6 | 80 | Giá đang tăng. Mục tiêu gần 90 |
| VRE | 33.70 | 4.3 | 25 | Giá đang tăng dần, mục tiêu gần 35 |
| HAG | 16.35 | 0.3 | 16 | CP đang tích lũy. Mục tiêu 18 |
| MWG | 84.90 | 1.1 | 70 | Giá đang ở nền thấp. Mục tiêu trở lại giá 90 |
| NVL | 19.10 | -6.8 | 15 | Đang điều chỉnh mạnh. Chờ mua sau |
| SSI | 27.70 | 0.2 | 25 | Giá đang suy yếu. Hỗ trợ gần 25 |
| GVR | 36.05 | 7.0 | 30 | Giá đang tăng mạnh. Mục tiêu gần 37-39 |

## Các nhóm cổ phiếu trọng tâm

- Nhóm Vingroup: Đang phân phối. VRE vẫn tăng khá nhưng lưu ý kháng cự mạnh gần 40
- Nhóm Gelex: đang suy giảm mạnh. Lưu ý tin tức cập nhật
- Nhóm BDS: Đi ngang, nhóm DXG, DIG cải thiện dần
- Nhóm ngân hàng: đang giữ giá tốt, nổi bật ở BID, TCB, MBB, HDB

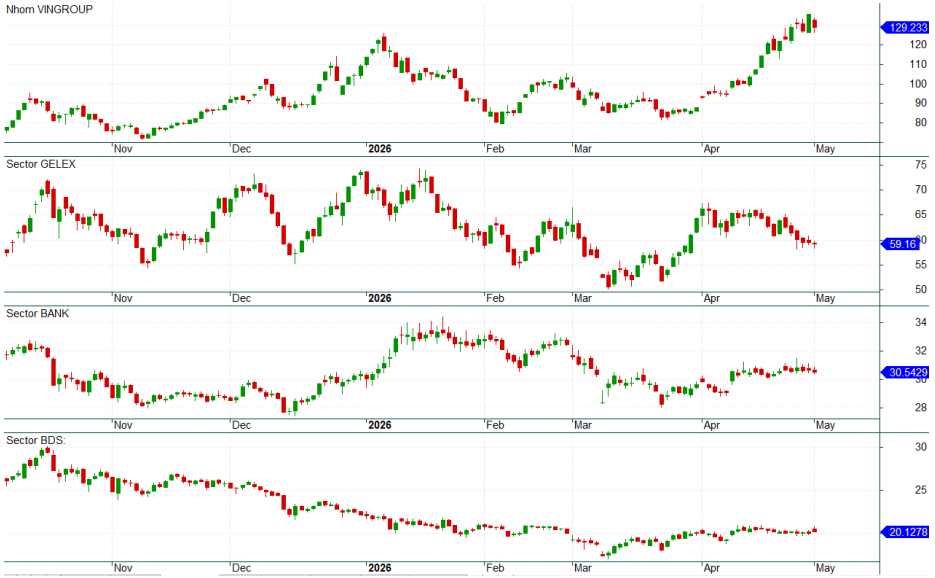

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH Q1.2026

| Mã | Phân ngành - ICB L2 | Sàn | DT Q1.2026 | Tăng trưởng | LN Q1.2026 | Tăng trưởng | EPS | PE | BV | P/Bv |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VPB | Ngân hàng | HOSE | | | 6,198,661,000,000 | 59.1% | 3,314 | 8.31 | 21,944 | 1.26 |
| LPB | Ngân hàng | HOSE | | | 2,279,191,000,000 | -10.1% | 3,738 | 12.59 | 16,561 | 2.84 |
| VCK | Dịch vụ tài chính | HOSE | 2,519,183,762,365 | 71.6% | 1,235,241,204,014 | 68.1% | 1,791 | 18.99 | 12,361 | 2.75 |
| TCX | Dịch vụ tài chính | HOSE | 2,783,203,426,368 | 37.2% | 1,147,633,429,492 | 13.6% | 2,668 | 19.11 | 19,669 | 2.59 |
| VND | Dịch vụ tài chính | HOSE | 1,807,010,963,787 | 43.6% | 545,335,468,175 | 42.6% | 1,435 | 11.60 | 14,089 | 1.18 |
| TIN | Dịch vụ tài chính | UPCoM | | | 461,547,084,203 | 508.7% | 15,995 | 10.09 | 26,984 | 5.98 |
| VPX | Dịch vụ tài chính | HOSE | 2,870,973,236,035 | 308.0% | 435,532,572,227 | 55.2% | 2,263 | 12.44 | 18,240 | 1.54 |
| VAB | Ngân hàng | HOSE | | | 408,483,326,309 | 39.4% | 1,758 | 5.86 | 12,948 | 0.80 |
| VCI | Dịch vụ tài chính | HOSE | 1,406,482,341,875 | 65.3% | 340,729,881,088 | 15.6% | 1,314 | 20.39 | 15,091 | 1.78 |
| DHG | Y tế | HOSE | 1,198,100,182,788 | 0.3% | 315,677,281,272 | 18.6% | 6,897 | 14.45 | 33,981 | 2.93 |
| BMP | Xây dựng và Vật liệu | HOSE | 1,457,310,965,938 | 5.4% | 303,956,059,754 | 5.9% | 15,218 | 9.92 | 38,864 | 3.89 |
| MBS | Dịch vụ tài chính | HNX | 1,019,095,940,522 | 52.4% | 291,628,369,325 | 8.4% | 1,814 | 11.03 | 8,365 | 2.39 |
| HCM | Dịch vụ tài chính | HOSE | 1,466,403,243,730 | 46.7% | 290,720,447,794 | 28.2% | 1,382 | 19.76 | 13,336 | 2.05 |
| EVF | Dịch vụ tài chính | HOSE | | | 266,631,000,000 | 10.9% | 1,210 | 11.36 | 13,336 | 1.03 |
| SHS | Dịch vụ tài chính | HNX | 564,698,316,936 | 0.6% | 231,824,163,916 | -11.8% | 1,463 | 11.89 | 14,159 | 1.23 |
| NT2 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | HOSE | 2,171,658,357,992 | 52.2% | 179,978,034,022 | 386.9% | 4,423 | 5.84 | 17,505 | 1.48 |
| SCS | Du lịch và Giải trí | HOSE | 271,969,151,117 | 2.1% | 173,291,929,313 | 2.0% | 7,391 | 7.31 | 17,527 | 3.08 |
| VVS | Ô tô và phụ tùng | HOSE | 2,750,550,855,401 | 142.1% | 166,484,143,439 | 538.9% | 21,443 | 6.67 | 38,033 | 3.76 |
| FTS | Dịch vụ tài chính | HOSE | 378,398,564,136 | 21.3% | 159,915,055,919 | 4.5% | 1,173 | 23.23 | 13,072 | 2.08 |
| VIX | Dịch vụ tài chính | HOSE | 1,653,403,555,824 | 68.8% | 138,370,269,055 | -62.8% | 3,241 | 5.26 | 8,812 | 1.93 |
| DDV | Hóa chất | UPCoM | 1,842,160,944,124 | 59.3% | 124,329,713,085 | 2.1% | 4,354 | 6.34 | 16,354 | 1.69 |
| TDM | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | HOSE | 78,325,536,100 | -21.7% | 122,270,705,346 | -15.0% | 1,701 | 33.75 | 24,215 | 2.37 |
| VCF | Thực phẩm và đồ uống | HOSE | 661,214,675,841 | -1.7% | 112,240,297,733 | -12.4% | 18,886 | 16.16 | 46,992 | 6.49 |
| LHG | Bất động sản | HOSE | 176,210,588,509 | -24.6% | 112,183,216,200 | 1.9% | 5,890 | 4.82 | 38,968 | 0.73 |
| PDN | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | HOSE | 375,949,837,759 | 6.1% | 110,506,022,387 | 11.5% | 8,060 | 13.35 | 26,714 | 4.03 |
| NCT | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | HOSE | 292,681,443,052 | 21.3% | 105,986,698,323 | 64.5% | 16,375 | 5.78 | 31,172 | 3.04 |
| PPC | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | HOSE | 1,798,180,657,235 | 17.1% | 95,731,506,416 | 82.9% | 651 | 15.52 | 14,229 | 0.71 |
| HNA | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | HOSE | 205,430,768,741 | 17.0% | 94,808,100,134 | 133.9% | 2,253 | 9.76 | 15,033 | 1.46 |
| CHP | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | HOSE | 198,502,925,399 | -15.2% | 90,832,409,330 | -24.2% | 2,723 | 10.36 | 12,948 | 2.18 |
| BSI | Dịch vụ tài chính | HOSE | 697,140,773,775 | 106.8% | 88,819,056,890 | 9.5% | 2,043 | 17.69 | 22,891 | 1.58 |
| IMP | Y tế | HOSE | 546,206,333,856 | -8.1% | 82,018,589,482 | 10.1% | 2,316 | 23.79 | 15,444 | 3.57 |
| MCM | Thực phẩm và đồ uống | HOSE | 741,550,010,628 | 25.4% | 80,118,557,404 | 67.7% | 2,255 | 12.33 | 21,377 | 1.30 |
| PVP | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | HOSE | 644,818,041,796 | 53.1% | 75,543,199,612 | 87.1% | 2,253 | 7.41 | 19,352 | 0.86 |
| CTS | Dịch vụ tài chính | HOSE | 351,925,777,950 | -24.3% | 65,843,764,656 | -37.9% | 2,526 | 10.65 | 13,666 | 1.97 |
| PGD | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | HOSE | 2,489,854,214,850 | -2.7% | 64,965,664,817 | 482674.0% | 2,357 | 10.91 | 15,500 | 1.66 |
| TNG | Hàng cá nhân & Gia dụng | HNX | 1,951,958,485,537 | 29.2% | 60,281,017,096 | 39.2% | 3,269 | 6.76 | 15,523 | 1.42 |

# MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS**

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: https://ocbs.com.vn/

**Phòng phân tích**

**Email: research@ocbs.com.vn**